

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BA ĐỒN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2024/HS-ST
Ngày 21 - 5 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Thanh Dương và ông Võ Xuân Vinh

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kiều Phương

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 15/2024/TLST-HS ngày 11 tháng 4 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2024/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 5 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Công T; giới tính: nam; tên gọi khác: không; sinh ngày 28 tháng 11 năm 1973 tại thị xã B, tỉnh Quảng Bình; nơi đăng ký cư trú: Khu phố 3, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: lớp 7/12; nghề nghiệp: lao động tự do; đoàn thể: không; con ông Nguyễn Văn M (đã chết) và bà Phan Thị T, sinh năm 1948; có vợ Nguyễn Thị P, sinh năm 1979 và 04 con, con lớn nhất sinh năm 2008, con nhỏ nhất sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ tại Nhà tạm giữ Công an thị xã B, kể từ ngày 18 tháng 01 năm 2024 cho đến ngày 21 tháng 01 năm 2024, được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa

2. Ngô Thị L; giới tính: nữ; tên gọi khác: không; sinh ngày 19 tháng 8 năm 1962 tại huyện Q, tỉnh Quảng Bình; nơi đăng ký cư trú: khu phố 1, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: lớp 10/10; nghề nghiệp: lao động tự do; đoàn thể: không; con ông Ngô Xuân H (đã chết) và bà Nguyễn Thị H (đã chết) có chồng Nguyễn Văn B, sinh năm 1962 và 02 con, đã trưởng thành; về nhân thân: Năm 1996, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Bình khởi tố bị can về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, theo Quyết định thay đổi Quyết định khởi tố bị can số 05 ngày 15/10/1996. Ngày 20/11/1996, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình ra Quyết định đình chỉ điều tra bị can số 548 (miễn trách nhiệm hình sự); tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ tại Nhà tạm giữ Công an thị xã B, kể từ ngày 18 tháng 01 năm 2024 cho đến ngày 21 tháng 01 năm 2024, được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa

3. Nguyễn Thế A; giới tính: nam; tên gọi khác: không; sinh ngày 09 tháng 8 năm 1990 tại thị xã B, tỉnh Quảng Bình; nơi đăng ký cư trú: Khu phố 3, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: lớp 12/12; nghề nghiệp: lao động tự do; đoàn thể: không; con ông Nguyễn Văn M (đã chết) và bà Phan Thị T, sinh năm 1948; có vợ: Nguyễn Thị Khánh N, sinh năm 1990 và 02 con, con lớn nhất sinh năm 2012, con nhỏ nhất sinh năm 2017; về nhân thân: Ngày 24/12/2014, bị Công an thị xã B xử phạt hành chính, phạt tiền 2.000.000 đồng về hành vi Kinh doanh thuốc lá điều nhập lậu; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ tại Nhà tạm giữ Công an thị xã B, kể từ ngày 18 tháng 01 năm 2024 cho đến ngày 21 tháng 01 năm 2024, được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa

4. Hoàng Thị Hải Y; giới tính: nữ; tên gọi khác: không; sinh ngày 20 tháng 5 năm 1977 tại thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; nơi đăng ký cư trú: Tổ dân phố C, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: lớp 7/10; nghề nghiệp: lao động tự do; con ông Hoàng Đức T (đã chết) và bà Phạm Thị V, sinh năm 1957; có chồng Hồ Thanh Q, sinh năm 1974 và 03 con, con lớn nhất sinh năm 1996, con nhỏ nhất sinh năm 2015; về nhân thân: Ngày 28/8/2020, bị Công an tỉnh Quảng Bình xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc, phạt tiền 1.500.000 đồng; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ tại Nhà tạm giữ Công an thị xã B, kể từ ngày 19 tháng 01 năm 2024 cho đến ngày 21 tháng 01 năm 2024, được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Đinh Thị Trà G, sinh năm 1990; nơi cư trú: TDP T, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt

- Bà Trần Thị Đ, sinh năm 1963; nơi cư trú: TDP T, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt

- Bà Hoàng Thị B, sinh năm 1975; nơi cư trú: TDP T, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt

- Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1956; nơi cư trú: Khu phố 6, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt

- Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1982; nơi cư trú: Khu phố 6, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào sáng ngày 17/01/2024, Nguyễn Công T đang ở nhà của mình thì nảy sinh ý định đánh bạc bằng hình thức làm chủ cái số lô, số đề dựa trên kết quả xổ số kiến thiết (XSKT) của các tỉnh miền Trung quay mở thưởng hàng ngày nhằm kiếm tiền lời. Sau đó T đã đi đến chợ B, thuộc khu phố 1, phường B, thị xã B gặp Ngô Thị L rồi đặt vấn đề nhờ, thuê làm thư ký bán số lô, số đề cho người chơi có nhu cầu rồi tập hợp thành “Bảng đề” chuyển cho T để tính thắng thua và T sẽ chi trả tiền hoa hồng cho L, khi nghe T đặt vấn đề thì L đồng ý. Tiếp đó, T nhờ em ruột của

mình là Nguyễn Thế A hàng ngày đi thu gom “Bảng đề” từ Ngô Thị L đem về giao cho T để tính thắng thua và T sẽ trả tiền công hàng ngày cho Thế A số tiền 70.000 đồng thì Thế A đồng ý.

Đến sáng ngày 18/01/2024, T tiếp tục đi gặp một số người quen khác trên địa bàn và đặt vấn đề nhờ, thuê họ làm thư ký bán số lô, số đề cho mình, cụ thể T đã gặp và đặt vấn đề với Hoàng Thị Hải Y, Đinh Thị Trà G, Trần Thị Đ, Hoàng Thị B, Hoàng Thị T và Nguyễn Thị H thì những người này đều đồng ý. T trao đổi với những người này nội dung là trước 17 giờ 15 phút hàng ngày thì nhắn tin gửi “Bảng đề” hoặc nhắn tin gửi các số lô, số đề đến cho T thông qua tài khoản ứng dụng Zalo (có tên hiển thị là “Công T”, được đăng ký bằng số điện thoại 0705412585) hoặc tài khoản Messenger tên “Nguyễn Công T”. Tỷ lệ thắng được quy ước, tính tùy theo loại, hình thức “Lô” mà người chơi mua số đặt cược, cách tính cụ thể như sau:

- Loại “1 Lô”: Tức là người chơi đánh bạc mua số có 03 chữ số, nếu trùng với 03 chữ số cuối của giải đặc biệt thì thắng, tỷ lệ thắng gấp 600 lần số tiền mua số.

- Loại “6 Lô”: Tức là người chơi đánh bạc mua số có 03 chữ số, nếu trùng với 03 chữ số cuối của các giải đặc biệt, giải 5, giải 6 và giải 7 thì thắng, tỷ lệ thắng gấp 100 lần số tiền mua số.

- Loại “17 Lô”: Tức là người chơi đánh bạc mua số có 03 chữ số, nếu trùng với 03 chữ số cuối của tất cả các giải, trừ giải Tám thì thắng, tỷ lệ thắng gấp 35 lần số tiền mua số.

- Loại “3 Lô”: Tức là người chơi đánh bạc mua số có 03 chữ số, đặt cược vào các loại 1 Lô, 6 Lô và 17 Lô nếu trúng vào loại nào thì thắng với tỷ lệ tương ứng.

- Loại “1 Lô Đầu”: Tức là người chơi đánh bạc mua số có 02 chữ số, nếu trùng với 02 chữ số của giải Tám thì thắng, tỷ lệ thắng gấp 70 lần số tiền mua số.

- Loại “1 Lô Đuôi”: Tức là người chơi đánh bạc mua số có 02 chữ số, nếu trùng với 02 chữ số cuối của giải Đặc biệt thì thắng, tỷ lệ thắng gấp 70 lần số tiền mua số.

- Loại “2 Lô” (tức Đầu và Đuôi): Tức là người chơi đánh bạc mua số có 02 chữ số, đánh cược vào các loại Đầu hoặc Đuôi, nếu trùng vào một trong hai loại thì thắng, tỷ lệ gấp 35 lần số tiền mua số.

- Loại “18 Lô”: Tức là người chơi đánh bạc mua số có 02 chữ số, nếu trùng với 02 chữ số cuối của một trong tất cả các giải thì thắng, tỷ lệ gấp 5 lần số tiền mua số.

Nếu số lô, đề người chơi mua xuất hiện nhiều hơn 01 lần trong kết quả XSKT trong ngày thì tỷ lệ thắng được nhân lên theo số lần mà số lô, đề đó xuất hiện.

Đồng thời, Nguyễn Công T sẽ trích phần trăm từ tổng số tiền mà người chơi mua số lô, số đề trong ngày được ghi thể hiện trong từng “Bảng đề”, tin nhắn để trả tiền hoa hồng hàng ngày cho các thư ký đề, cụ thể: Nguyễn Công T sẽ chi trả cho Ngô Thị L và Hoàng Thị Hải Y 10% tổng số tiền khách mua số lô, số đề cược loại 18 Lô và 28% tổng số tiền khách mua số lô, số đề cược loại 1 Lô, 6 Lô, 17 Lô, 3 Lô, Đầu, Đuôi, 2 Lô (tức cả Đầu và Đuôi).

Đối với những người thư ký còn lại thì T sẽ chi trả cho họ 10% tổng số tiền khách mua số lô, số đề cược loại 18 Lô và 25% tổng số tiền khách mua số lô, số đề cược loại 1 Lô, 6 Lô, 17 Lô, 3 Lô, Đầu, Đuôi, 2 Lô (tức cả Đầu và Đuôi).

Kết quả điều tra xác định: Vào chiều ngày 17/01/2024, trong quá trình làm việc trông giữ xe tại Chợ B thì Ngô Thị L đã bán số lô, số đề cho nhiều người chơi đánh bạc có nhu cầu dựa theo kết quả XSKT thành phố Đà Nẵng mở thưởng vào lúc 17 giờ 15 phút cùng ngày, quá trình bán số lô, số đề cho nhiều người chơi thì Ngô Thị L đều ghi tổng hợp các con số lô, số đề, hình thức lô và ký hiệu số tiền mua cược vào 01 tờ giấy A4, gọi là “Bảng đề”, đồng thời dùng giấy than sao lại “Bảng đề” trên sang 01 tờ giấy A4 khác. Đến khoảng 16 giờ 30 phút, cùng ngày thì Nguyễn Thế A một mình điều khiển xe mô tô, BKS 73P1 - 5664 đi đến chợ Ba Đồn gặp và nhận từ Ngô Thị L 01 bản gốc tờ “Bảng đề”, sau đó A cất giấu trong người và điều khiển xe mô tô mang về nhà giao cho T. Đến tối cùng ngày T dựa theo kết quả XSKT thành phố Đà Nẵng và tính toán tiền thắng thua với người chơi mua số lô, số đề thể hiện trên “Bảng đề” của Ngô Thị L, kết quả xác định tổng số tiền đánh bạc là 6.713.000 đồng (bao gồm: số tiền người chơi mua số lô, số đề là 3.063.000 đồng và số tiền người chơi thắng là 3.650.000 đồng), số tiền hoa hồng phải chi trả cho Lai là 458.000 đồng, sau khi đã trừ đi tiền hoa hồng cho Ngô Thị L thì số tiền T phải bù thêm để trả cho người chơi thắng là 1.045.000 đồng.

Vào ngày 18/01/2024 những người làm thư ký bán số lô, số đề được Nguyễn Công T đặt vấn đề như trên đều đã thực hiện hành vi bán số lô, số đề cho nhiều người chơi đánh bạc có nhu cầu dựa theo kết quả XSKT tỉnh Quảng Bình mở thưởng vào lúc 17 giờ 15 phút cùng ngày. Quá trình bán số lô, số đề những người trên đều ghi tổng hợp vào giấy, gọi là “Bảng đề”. Đến khoảng 16 giờ 45 phút ngày 18/01/2023, T gặp và trả tiền công ngày 17/01/2024 cho Nguyễn Thế A số tiền 70.000 đồng, đồng thời đưa tờ “Bảng đề” ngày 17/01/2024 của Ngô Thị L đã được T tính toán thắng thua xong để giao lại cho Ngô Thị L nhằm đối chiếu tính toán tiền thắng thua. Sau khi nhận tờ “Bảng đề” từ Nguyễn Công T thì Thế A điều khiển xe mô tô BKS 73P1-5664 đến khu vực chợ B gặp Ngô Thị L, khi gặp L thì Thế A đưa tờ “Bảng đề” ngày 17/01/2024 cho L. Đến khoảng 17 giờ thì Ngô Thị L ghi tập hợp xong “Bảng đề” là 01 tờ giấy khổ A4 bên trong có ghi nội dung tập hợp các con số lô, số đề mà người chơi có nhu cầu đánh bạc dựa theo kết quả XSKT tỉnh Quảng Bình mở thưởng vào ngày 18/01/2024 và đưa cho Thế A để mang về giao cho T thì bị lực lượng Công an thị xã B phát hiện, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Quá trình bắt quả tang Cơ quan điều tra đã phát hiện thu giữ từ Ngô Thị L 01 bản gốc, 01 bản sao tờ “Bảng đề” của ngày 17/01/2024; 01 bản sao tờ “Bảng đề” của ngày 18/01/2024 và số tiền 5.022.000 đồng; thu giữ từ Nguyễn Thế A 01 bản gốc tờ “Bảng đề” của ngày 18/01/2024 với số tiền đánh bạc thể hiện trong “Bảng đề” là 5.022.000 đồng.

Cơ quan điều tra đã ra Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp và khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Công T, kết quả đã thu giữ từ Nguyễn Công T 01 máy điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A53, vỏ màu xanh, kiểm tra phát hiện trong máy điện thoại có nội dung nhiều tin nhắn do 06 người thư ký lô đề khác gửi hình ảnh chụp “Bảng đề”, các con số lô, đề đến cho T gồm Hoàng Thị Hải Y, Đinh Thị Trà G, Hoàng Thị T, Hoàng Thị B, Nguyễn Thị H và Trần Thị Đ, với tổng số

tiền đánh bạc theo kết quả XSKT tỉnh Quảng Bình trong ngày 18/01/2024 được thể hiện là 24.525.000 đồng, cụ thể:

- Đối với Hoàng Thị Hải Y: Đã bán số lô, số đề cho nhiều người (không rõ số lượng và tên, địa chỉ) rồi tập hợp vào “Bảng đề”. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, Y sử dụng máy điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, loại Galaxy Buddy, vỏ màu đen và thông qua tài khoản trên ứng dụng Zalo (tên tài khoản “Ngọc Ánh” được đăng ký bằng số điện thoại 0813325480) rồi chụp ảnh tờ “Bảng đề” nhắn tin gửi đến tài khoản Zalo của T. Sau khi Y gửi hình ảnh chụp tờ “Bảng đề” thì có một số người khác đến sau mua số lô, số đề thì Y nhận và không ghi tập hợp vào “Bảng đề” mà soạn nhắn tin trực tiếp qua tài khoản Zalo gửi đến T. Tổng số tiền đánh bạc mà người chơi mua số lô, số đề từ Hoàng Thị Hải Y là 11.867.000 đồng.

- Đối với Đinh Thị Trà G: Đã bán số lô, số đề cho nhiều người (không rõ số lượng và tên, địa chỉ) rồi tập hợp vào “Bảng đề”. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, G sử dụng máy điện thoại di động nhãn hiệu Samsung và thông qua tài khoản trên ứng dụng Zalo (tên tài khoản "Đinh Thị Trà G" được đăng ký bằng số điện thoại 0914514275) rồi chụp ảnh các tờ “Bảng đề” nhắn tin gửi đến tài khoản Zalo của T; sau khi G gửi hình ảnh chụp tờ “Bảng đề” thì có một người khác đến sau mua số lô, số đề thì G nhận và không ghi tập hợp vào “Bảng đề” mà soạn nhắn tin trực tiếp qua tài khoản Zalo cho T. Tổng số tiền đánh bạc mà người chơi mua số lô, số đề từ Đinh Thị Trà G là 4.430.000 đồng.

- Đối với Hoàng Thị T: Đã bán số lô, số đề cho nhiều người (không rõ số lượng và tên, địa chỉ) rồi tập hợp vào “Bảng đề”. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, T sử dụng máy điện thoại di động nhãn hiệu OPPO và thông qua tài khoản trên ứng dụng Messenger (tên tài khoản “Thuận Hoàng”) rồi chụp ảnh tờ “Bảng đề” nhắn tin gửi đến tài khoản Messenger của Tráng. Tổng số tiền đánh bạc mà người chơi mua số lô, số đề từ Hoàng Thị T là 2.860.000 đồng.

- Đối với Hoàng Thị B: Đã bán số lô, số đề cho nhiều người (không rõ số lượng và tên, địa chỉ) rồi tập hợp vào “Bảng đề”. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, thì Bích sử dụng máy điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 và thông qua tài khoản trên ứng dụng Messenger (tên tài khoản “Bích Hoàng”) rồi chụp ảnh tờ “Bảng đề” nhắn tin gửi đến tài khoản Messenger của Tráng. Tổng số tiền đánh bạc mà người chơi mua số lô, số đề từ Hoàng Thị B là 2.732.000 đồng.

- Đối với Nguyễn Thị H: Đã bán số lô, số đề cho nhiều người (không rõ số lượng và tên, địa chỉ) rồi tập hợp vào “Bảng đề”. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, thì H sử dụng máy điện thoại di động nhãn hiệu Samsung và thông qua tài khoản trên ứng dụng Zalo (tên tài khoản “Nguyen Hong Hoi” được đăng ký bằng số điện thoại 0353724568) rồi chụp ảnh tờ “Bảng đề” nhắn tin gửi đến tài khoản Zalo của T. Tổng số tiền đánh bạc mà người chơi mua số lô, số đề từ Nguyễn Thị H là 2.170.000 đồng.

- Đối với Trần Thị Đ: Đã bán số lô, số đề cho nhiều người (không rõ số lượng và tên, địa chỉ) rồi tập hợp vào “Bảng đề”. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, thì Đ sử dụng máy điện thoại di động (không rõ nhãn hiệu) và thông qua tài khoản trên ứng dụng Zalo (tên tài khoản “Trần Đ” số điện thoại đăng ký tài khoản không xác định) rồi chụp ảnh tờ “Bảng đề” nhắn tin gửi đến tài khoản Zalo của Nguyễn Công T.

Tổng số tiền đánh bạc mà người chơi mua số lô, số đề từ Trần Thị Đ là 466.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã B đã thu giữ vật chứng của vụ án gồm:

- Tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam 60.265.000 đồng (Sáu mươi triệu hai trăm sáu mươi lăm ngàn đồng). Trong đó: Thu giữ từ Ngô Thị L trong quá trình bắt quả tang 5.022.000 đồng và Ngô Thị L tự nguyện giao nộp 458.000 đồng (tiền hoa hồng được Tráng chi trả trong ngày 17/01/2024); thu giữ từ Nguyễn Thế A trong quá trình bắt quả tang 260.000 đồng (gồm 70.000 đồng tiền công được T chi trả ngày 17/01/2024 và 190.000 đồng Ngô Thị L gửi trả nợ cá nhân cho T); thu giữ từ Nguyễn Công T trong quá trình khám xét khẩn cấp chỗ ở 30.000.000 đồng; thu giữ từ Hoàng Thị Hải Y trong quá trình giữ người trong trường hợp khẩn cấp 11.867.000 đồng; Đinh Thị Trà G tự nguyện giao nộp 4.430.000 đồng; Hoàng Thị T tự nguyện giao nộp 2.860.000 đồng; Hoàng Thị B tự nguyện giao nộp 2.732.000 đồng; Nguyễn Thị H tự nguyện giao nộp 2.170.000 đồng; Trần Thị Đ tự nguyện giao nộp 466.000 đồng;

- 01 máy điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO A53, vỏ màu xanh, số IMEI 1: 861438053647970; số IMEI 2: 861438053647962, đã qua sử dụng từ Nguyễn Công T;

- 01 máy điện thoại di động, nhãn hiệu Samsung Galaxy A72, vỏ màu đen, số IMEI 1: 357843230582720; số IMEI 2: 353546290582720 và 01 xe mô tô, nhãn hiệu Yamaha Sirius, sơn màu đen trắng, biển kiểm soát 73P1 - 5664, số khung: 414234, số máy: 414285, đã qua sử dụng từ Nguyễn Thế A;

- 01 máy điện thoại di động, nhãn hiệu Masstel, vỏ màu đen, số IMEI: 358069248754999, đã qua sử dụng, bên trong có lắp thẻ sim di động, số thuê bao 0974482951; 01 cái bút bi mực xanh, nhãn hiệu Matixs Fo-024; 01 cái ghế nhựa màu đỏ, nhãn hiệu Qui Phúc; 01 tờ giấy than, kích thước (21x31)cm đã qua sử dụng từ Ngô Thị L;

- 01 máy điện thoại di động, nhãn hiệu Samsung Galaxy Budby, vỏ màu đen, số IMEI: 359443990531559, đã qua sử dụng từ Hoàng Thị Hải Y;

- 01 máy điện thoại di động, nhãn hiệu Samsung Galaxy A04s, vỏ màu xanh, số IMEI 1: 35075320253139; số IMEI 2: 35204498531396; 01 cái bàn nhựa màu đỏ, không rõ nhãn hiệu, cao 50cm; có mặt bàn hình tròn, đường kính 60cm; 01 cái ghế nhựa màu đỏ, không rõ nhãn hiệu, kích thước (60x35)cm; 01 cái bút bi màu xanh, nhãn hiệu Thiên Long, đã qua sử dụng từ Nguyễn Thị H;

- 01 máy điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO, vỏ màu xanh bạc hà, số kiểu máy: CPH2577, số IMEI 1: 865039063412557; số IMEI 2: 865039063412540 từ Hoàng Thị T;

Quá trình điều tra đã xác minh làm rõ nguồn gốc, chủ sở hữu của những tài sản, đồ vật, vật chứng đã thu giữ. Căn cứ kết quả điều tra, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý đối với một số tài sản, đồ vật đã thu giữ, tạm giữ không phải là vật chứng của vụ án, cụ thể như sau:

- Trả lại cho Nguyễn Công T số tiền 30.190.000 đồng (gồm 30.000.000 đồng thu giữ trong quá trình khám xét khẩn cấp và 190.000 đồng thu giữ từ Nguyễn Thế

A); trả lại cho Ngô Thị L 01 máy điện thoại di động, nhãn hiệu Masstel, vỏ màu đen, bên trong có lắp thẻ sim di động, số thuê bao 0974482951; trả lại cho Nguyễn Thế A 01 máy điện thoại di động, nhãn hiệu Samsung Galaxy A72, vỏ màu đen, đã qua sử dụng, do không liên quan đến hành vi phạm tội.

Ngoài ra, đối với số tiền 6.713.000 đồng mà các bị cáo Nguyễn Công T, Ngô Thị L và Nguyễn Thế A sử dụng để đánh bạc vào ngày 17/01/2024 thì hiện đã chỉ trả cho người chơi thắng hết, do không xác định được nhân thân, lai lịch của những người trên nên Cơ quan điều tra không tiến hành thu giữ được.

Tại bản Cáo trạng số 19/CT - VKSBD ngày 10 tháng 4 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã B đã truy tố các bị cáo Nguyễn Công T, Ngô Thị L, Nguyễn Thế A và Hoàng Thị Hải Y, về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã B giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo và đề nghị:

- Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Công T, Ngô Thị L, Nguyễn Thế A và Hoàng Thị Hải Y phạm tội “Đánh bạc”;

- Về hình phạt:

- + Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 36 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Công T từ 24 đến 30 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ (từ ngày 18/01/2024 đến ngày 21/01/2024). Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Công T từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng

- + Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 36 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Ngô Thị L từ 18 đến 22 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ (từ ngày 18/01/2024 đến ngày 21/01/2024).

- + Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 36 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thế A từ 18 đến 22 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ (từ ngày 18/01/2024 đến ngày 21/01/2024).

- + Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hoàng Thị Hải Y từ 15 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ (từ ngày 19/01/2024 đến ngày 21/01/2024). Phạt bổ sung bị cáo Y từ 10.000.000 đến 20.000.000 đồng

Miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo Nguyễn Công T, Ngô Thị L, Nguyễn Thế A và Hoàng Thị Hải Y do không có công việc, thu nhập ổn định.

- Về vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

- + Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 30.075.000 đồng; 01 máy điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO A53, vỏ màu xanh, số IMEI 1: 861438053647970; số IMEI 2: 861438053647962; 01 máy điện thoại di động, nhãn hiệu Samsung Galaxy Budby, vỏ màu đen, số IMEI: 359443990531559; 01 máy điện thoại di động, nhãn hiệu Samsung Galaxy A04S, vỏ màu xanh, số IMEI 1:

35075320253139; số IMEI 2: 35204498531396; 01 máy điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO, vỏ màu xanh bạc hà, số kiểu máy: CPH2577, số IMEI 1: 865039063412557; số IMEI 2: 865039063412540; 01 xe mô tô, nhãn hiệu Yamaha Sirius, sơn màu đen trắng, biển kiểm soát 73P1 - 5664, số khung: 414234, số máy: 414285, đã qua sử dụng.

+ Tịch thu tiêu hủy 01 ghế nhựa màu đỏ, nhãn hiệu Qui Phúc; 01 tờ giấy than đã qua sử dụng; 01 cái bút bi mực xanh, nhãn hiệu Matixs Fo-024; 01 cái bàn nhựa màu đỏ, không rõ nhãn hiệu, cao 50cm, có mặt bàn hình tròn, đường kính 60cm; 01 cái ghế nhựa màu đỏ, không rõ nhãn hiệu, kích thước (60x35)cm; 01 cái bút bi màu xanh, nhãn hiệu Thiên Long;

-Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Ngô Thị L (người cao tuổi) và Nguyễn Thế A (hộ nghèo); buộc các bị cáo Nguyễn Công T và Hoàng Thị Hải Y phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa các bị cáo nhất trí với tội danh và khung hình phạt mà Viện kiểm sát đã truy tố, không tham gia tranh luận gì thêm.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, bị cáo Yên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo và người tham gia tố tụng không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Về sự vắng mặt của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Tại phiên Tòa, vắng mặt những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gồm: chị Đinh Thị Trà G, bà Trần Thị Đ, bà Hoàng Thị B, bà Hoàng Thị T, chị Nguyễn Thị H. Tuy nhiên, những người này đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Xét thấy, quá trình điều tra đã có lời khai của họ, việc vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án. Vì vậy, cần căn cứ vào khoản 1 Điều 292 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, xét xử vắng mặt những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

[3] Về hành vi phạm tội:

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Công T, Ngô Thị L, Nguyễn Thế A và Hoàng Thị Hải Y đều thừa nhận:

Vì muốn kiếm lời nhanh chóng nên vào ngày 17/01/2024, tại phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình, Nguyễn Công T đã thuê Ngô Thị L làm thư ký ghi số lô, số đề cho những người chơi theo kết quả XSKT thành phố Đà Nẵng mở thưởng lúc 17 giờ 15 phút, cùng ngày, với tổng số tiền đánh bạc là 6.713.000 đồng. Ngày 18/01/2024, Nguyễn Công T đã thuê Ngô Thị L, Hoàng Thị Hải Y, Đinh Thị Trà G, Hoàng Thị T, Hoàng Thị B, Nguyễn Thị H và Trần Thị Đ làm thư ký ghi số lô, số đề cho những người chơi theo kết quả XSKT tỉnh Quảng Bình mở thưởng lúc 17 giờ 15 phút, cùng ngày với tổng số tiền đánh bạc là 29.547.000 đồng. Như vậy, thông qua các thư ký, Nguyễn Công T là người trực tiếp tính tiền thắng thua với những người chơi đánh bạc bằng hình thức ghi số lô, số đề với tổng số tiền đánh bạc là 36.260.000 đồng.

Đối với Ngô Thị L vào ngày 17/01/2024 đã ghi số lô, số đề cho những người chơi với số tiền đánh bạc là 6.713.000 đồng và hưởng phần trăm hoa hồng số tiền 458.000 đồng. Ngày 18/01/2024, đã ghi số lô, số đề cho những người chơi với số tiền đánh bạc là 5.022.000 đồng. Như vậy, Ngô Thị L đã thực hiện hành vi đánh bạc với tổng số tiền để đánh bạc là 11.735.000 đồng.

Đối với Hoàng Thị Hải Y vào ngày 18/01/2024 đã ghi số lô, số đề cho những người chơi với tổng số tiền đánh bạc là 11.867.000 đồng.

Đối với Nguyễn Thế A vào các ngày 17/01/2024 và 18/01/2024, đã giúp Nguyễn Công T đi thu gom “Bảng đề” từ Ngô Thị L để đưa về cho T với tổng số tiền đánh bạc là 11.735.000 đồng và được T trả cho 70.000 đồng tiền công.

Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, phù hợp với vật chứng đã thu giữ được cùng các chứng cứ tài liệu khác có tại hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ căn cứ kết luận các bị cáo Nguyễn Công T, Ngô Thị L, Nguyễn Thế A và Hoàng Thị Hải Y phạm tội “Đánh bạc” được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình giữ nguyên quan điểm truy tố về tội danh đối với các bị cáo là có căn cứ và đúng pháp luật. Chính các bị cáo T, L, Thế A và Y cũng thừa nhận hành vi của mình đã phạm tội “Đánh bạc”, các bị cáo chỉ yêu cầu xem xét giảm nhẹ hình phạt.

[3] Xét tính chất, mức độ, vai trò phạm tội của các bị cáo:

Hành vi của các bị cáo đã thực sự gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng và nếp sống văn minh của xã hội. Các bị cáo là những người đã trưởng thành có đầy đủ năng lực hành vi và khả năng nhận thức để biết được hành vi đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào cũng đều bị xã hội lên án, vì nó sẽ gây ra nhiều tác hại và hệ lụy cho xã hội cũng như cho chính gia đình và bản thân các bị cáo. Nhưng do háo lợi nên các bị cáo đã bất chấp, coi thường pháp luật để thực hiện hành vi đánh bạc. Do đó, cần căn cứ vào các quy định của Bộ luật Hình sự để quyết định cho các bị cáo một mức hình phạt, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra, nhằm đấu tranh ngăn chặn tệ nạn cờ bạc trong xã hội nói chung và trên địa bàn thị xã B nói riêng.

Trong vụ án này, bị cáo Nguyễn Công T, tham gia với vai trò khởi xướng, từ việc đặt vấn đề, thuê thư ký ghi sổ lô, số đề cũng như việc lập tài khoản qua ứng dụng Zalo và Messenger để các thư ký gửi “Bảng đề” hoặc tin nhắn từ việc đánh bạc. Vì vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm chính trong vụ án.

Đối với bị cáo Ngô Thị L và Hoàng Thị Hải Y là những người được T thuê làm thư ký ghi sổ lô, số đề, Nguyễn Thế A là người thu gom “Bảng đề”. Tuy nhiên, hành vi làm thư ký của Ngô Thị L, Hoàng Thị Hải Y và hành vi thu gom “Bảng đề” của Nguyễn Thế A đã tạo điều kiện, giúp sức cho Nguyễn Công T trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, các bị cáo cũng phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình sau bị cáo Nguyễn Công T

[4] Xét về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo thấy rằng:

- Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo Nguyễn Công T, Ngô Thị L, Nguyễn Thế A đã hai lần thực hiện hành vi đánh bạc nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo Nguyễn Công T, Ngô Thị L, Nguyễn Thế A, Hoàng Thị Hải Y đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nhận thức được hành vi phạm tội của mình; bị cáo Hoàng Thị Hải Y phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo Nguyễn Công T và Nguyễn Thế A có bố là ông Nguyễn Văn Mây được nhà nước tặng Huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng nhì, có hoàn cảnh gia đình khó khăn; bị cáo Nguyễn Thế A thuộc diện hộ nghèo; bị cáo Ngô Thị L đã có nhiều cống hiến trong chiến đấu, công tác và xây dựng lực lượng vũ trang Tây Nguyên B3, quân đoàn 3, được ban liên lạc bạn chiến đấu Mặt trận Tây Nguyên B3, quân đoàn 3 tặng Kỷ niệm chương; bị cáo Hoàng Thị Hải Y có bố để là ông Hoàng Đức T từng tham gia dân công hỏa tuyến chống Mỹ được Bộ Tư Lệnh Quân khu 4 chứng nhận và được hưởng chế độ trợ cấp đối với người có công cách mạng. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, theo quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, cần xem xét để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo theo mức độ và điều kiện mà mỗi bị cáo được hưởng.

[5] Về hình phạt và hình phạt bổ sung:

Trên cơ sở đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo khi thực hiện hành vi phạm tội xét thấy, các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo tốt nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo, mà cần căn cứ vào Điều 36 Bộ luật Hình sự để áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo, giao các bị cáo cho chính quyền địa phương và gia đình giám sát, giáo dục là phù hợp. Các bị cáo có thu nhập thấp và không ổn định nên không khấu trừ một phần thu nhập của các bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt.

Đối với bị cáo Nguyễn Công T và Hoàng Thị Hải Y ngoài hình phạt chính cần áp dụng khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự để áp dụng thêm hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với hai bị cáo mới có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung.

Đối với các bị cáo Nguyễn Thế A, Ngô Thị L lẽ ra phải áp dụng thêm hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của hai bị cáo tại phiên Tòa cho thấy hai bị cáo đều có hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo A thuộc diện hộ nghèo, bị cáo L thuộc diện người cao tuổi, nghề nghiệp và thu nhập không ổn định, không có khả năng thi hành án. Vì vậy, Hội đồng xét xử miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với hai bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng:

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thị xã B xác định số tiền 30.190.000 đồng không phải là vật chứng của vụ án nên đã trả lại cho bị cáo Nguyễn Công T; 01 máy điện thoại di động, nhãn hiệu Masstel, vỏ màu đen, bên trong có lắp thẻ sim di động, số thuê bao 0974482951, đã qua sử dụng thu giữ của Ngô Thị L, 01 máy điện thoại di động, nhãn hiệu Samsung Galaxy A72, vỏ màu đen, đã qua sử dụng thu giữ của Nguyễn Thế A, do không liên quan đến hành vi phạm tội nên đã trả lại cho bị cáo Ngô Thị L và Nguyễn Thế A.

Xét thấy, việc trả lại vật chứng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thị xã B là phù hợp, đúng quy định nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với số tiền 30.075.000 đồng tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam. Xét thấy đây là số tiền do các bị cáo phạm tội mà có nên cần căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự, tịch thu nộp vào Ngân sách nhà nước là phù hợp.

Đối với 01 máy điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO A53, vỏ màu xanh, số IMEI 1: 861438053647970; số IMEI 2: 861438053647962, đã qua sử dụng; 01 máy điện thoại di động, nhãn hiệu Samsung Galaxy Budby, vỏ màu đen, số IMEI: 359443990531559, đã qua sử dụng; 01 máy điện thoại di động, nhãn hiệu Samsung Galaxy A04s, vỏ màu xanh, số IMEI 1: 35075320253139; số IMEI 2: 35204498531396; 01 máy điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO, vỏ màu xanh bạc hà, số kiểu máy: CPH2577, số IMEI 1: 865039063412557; số IMEI 2: 865039063412540; 01 xe mô tô, nhãn hiệu Yamaha Sirius, sơn màu đen trắng, biển kiểm soát 73P1 - 5664, số khung: 414234, số máy: 414285, đã qua sử dụng. Xét thấy đây là công cụ phương tiện mà các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự, tịch thu nộp ngân sách nhà nước là phù hợp.

Đối với 01 ghế nhựa màu đỏ, nhãn hiệu Qui Phúc; 01 tờ giấy than đã qua sử dụng; 01 cái bút bi mực xanh, nhãn hiệu Matixs Fo-024; 01 cái bàn nhựa màu đỏ, không rõ nhãn hiệu, cao 50cm, có mặt bàn hình tròn, đường kính 60cm; 01 cái ghế nhựa màu đỏ, không rõ nhãn hiệu, kích thước (60x35)cm; 01 cái bút bi màu xanh, nhãn hiệu Thiên Long đã qua sử dụng. Xét thấy, đây là công cụ, phương tiện mà các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, hiện không có giá trị sử dụng nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm c khoản 1 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự, tịch thu tiêu hủy là phù hợp

[7] Về những hành vi liên quan khác:

Đối với các thư ký: Đinh Thị Trà G đã ghi số lô, số đề cho người chơi với số tiền là 4.430.000 đồng; Hoàng Thị T đã ghi số lô, số đề cho người chơi với số tiền là 2.860.000 đồng; Hoàng Thị B đã ghi số lô, số đề cho người chơi với số tiền là 2.732.000 đồng; Nguyễn Thị H đã ghi số lô, số đề cho người chơi với số tiền là 2.170.000 đồng; Trần Thị Đ đã ghi số lô, số đề cho người chơi với số tiền là 466.000 đồng. Do số tiền ghi số lô, số đề cho người chơi chưa đủ tang số định lượng đồng thời các đối tượng không có tiền án, tiền sự về hành vi đánh bạc, tổ chức đánh bạc nên chưa đủ yếu tố cấu thành Tội đánh bạc quy định tại Điều 321 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã B đã chuyển hồ sơ cho Công an thị xã B xử phạt vi phạm hành chính theo quy định là phù hợp.

[8] Về án phí: Buộc các bị cáo Nguyễn Công T, Ngô Thị L, Nguyễn Thế A và Hoàng Thị Hải Y phải nộp án phí theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, bị cáo Nguyễn Thế A thuộc diện hộ nghèo và bị cáo Ngô Thị L thuộc diện người cao tuổi, hai bị cáo có đơn đề nghị được miễn án phí nên cần miễn tiền án phí cho bị cáo Nguyễn Thế A và Ngô Thị L theo quy định của pháp luật

[9] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại các khoản 1, 4 Điều 331 và khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 36 Bộ luật Hình sự, đối với bị cáo Nguyễn Công T;

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 36 Bộ luật Hình sự, đối với các bị cáo Ngô Thị Lai và bị cáo Nguyễn Thế A;

Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 321; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự, đối với bị cáo Hoàng Thị Hải Y;

Căn cứ vào các điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự; khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23, điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, về việc “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án”.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Công T, Ngô Thị L, Nguyễn Thế A và Hoàng Thị Hải Y phạm tội “Đánh bạc”.

2. Về hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Công T 24 (Hai mươi bốn) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ (từ ngày 18/01/2024 đến ngày 21/01/2024) được quy đổi thành 09 ngày cải tạo không giam giữ. Hình phạt cải tạo không giam

giữ còn lại buộc bị cáo phải chấp hành là 23 tháng 21 ngày. Thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an thị xã B, tỉnh Quảng Bình nhận được Quyết định thi hành án.

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Công T số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng). Miễn khấu trừ một phần thu nhập cho bị cáo.

Giao bị cáo Nguyễn Công T cho Ủy ban nhân dân phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình phối hợp với gia đình giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt.

- Xử phạt bị cáo Ngô Thị L 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ (từ ngày 18/01/2024 đến ngày 21/01/2024) được quy đổi thành 09 ngày cải tạo không giam giữ. Hình phạt cải tạo không giam giữ còn lại buộc bị cáo phải chấp hành là 17 tháng 21 ngày. Thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an thị xã B, tỉnh Quảng Bình nhận được Quyết định thi hành án.

Miễn khấu trừ một phần thu nhập cho bị cáo Ngô Thị L.

Giao bị cáo Ngô Thị L cho Ủy ban nhân dân phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình phối hợp với gia đình giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thế A 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ (từ ngày 18/01/2024 đến ngày 21/01/2024) được quy đổi thành 09 ngày cải tạo không giam giữ. Hình phạt cải tạo không giam giữ còn lại buộc bị cáo phải chấp hành là 17 tháng 21 ngày. Thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an thị xã B, tỉnh Quảng Bình nhận được Quyết định thi hành án.

Miễn khấu trừ một phần thu nhập cho bị cáo Nguyễn Thế A.

Giao bị cáo Nguyễn Thế A cho Ủy ban nhân dân phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình phối hợp với gia đình giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt.

- Xử phạt bị cáo Hoàng Thị Hải Y 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian bị cáo bị bắt tạm giữ (từ ngày 19/01/2024 đến ngày 21/01/2024) được quy đổi thành 06 ngày cải tạo không giam giữ. Hình phạt cải tạo không giam giữ còn lại buộc bị cáo phải chấp hành là 14 tháng 24 ngày. Thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an thị xã B, tỉnh Quảng Bình nhận được Quyết định thi hành án.

Phạt bổ sung bị cáo Hoàng Thị Hải Y số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng). Miễn khấu trừ một phần thu nhập cho bị cáo.

Giao bị cáo Hoàng Thị Hải Y cho Ủy ban nhân dân phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình phối hợp với gia đình giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt.

4. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 30.075.000 đồng tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam (*Số tiền này đã được Công an thị xã B chuyển cho Chi cục thi hành án dân sự thị xã B bằng tài khoản, tại Kho bạc Nhà nước, theo Ủy nhiệm chi lập ngày 15/4/2024*).

- Tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước: 01 máy điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO A53, vỏ màu xanh, số IMEI 1: 861438053647970; số IMEI 2: 861438053647962, đã qua sử dụng; 01 máy điện thoại di động, nhãn hiệu Samsung Galaxy Budby, vỏ màu đen, số IMEI: 359443990531559, đã qua sử dụng; 01 máy điện thoại di động, nhãn hiệu Samsung Galaxy A04s, vỏ màu xanh, số IMEI 1: 35075320253139; số IMEI 2: 35204498531396; 01 máy điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO, vỏ màu xanh bạc hà, số kiểu máy: CPH2577, số IMEI 1: 865039063412557; số IMEI 2: 865039063412540; 01 xe mô tô, nhãn hiệu Yamaha Sirius, sơn màu đen trắng, biển kiểm soát 73P1 - 5664, số khung: 414234, số máy: 414285, đã qua sử dụng.

- Tịch thu, tiêu hủy: 01 ghế nhựa màu đỏ, nhãn hiệu Qui Phúc; 01 tờ giấy than đã qua sử dụng; 01 cái bút bi mực xanh, nhãn hiệu Matixs Fo-024; 01 cái bàn nhựa màu đỏ, không rõ nhãn hiệu, cao 50cm, có mặt bàn hình tròn, đường kính 60cm; 01 cái ghế nhựa màu đỏ, không rõ nhãn hiệu, kích thước (60x35)cm; 01 cái bút bi màu xanh, nhãn hiệu Thiên Long đã qua sử dụng.

(Các vật chứng trên có đặc điểm mô tả như nội dung Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã B và Chi cục thi hành án dân sự thị xã B ngày 15/4/2024).

5. Về án phí: Buộc các bị cáo Nguyễn Công T và Hoàng Thị Hải Y mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để nộp vào ngân sách Nhà nước. Miễn tiền án phí cho bị cáo Ngô Thị L và Nguyễn Thế A.

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (21/5/2024). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án theo quy định tại khoản 1, 4 Điều 331 và khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã B;
- Công an thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã B;
- Bị cáo; những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA;
- THA hình sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Tưởng Thị Hà

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BA ĐỒN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Ba Đồn, ngày 30 tháng 03 năm 2021

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi.....giờ.....phút, ngày.....tháng.....năm 2021, Tại phòng nghị án Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn.

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Phan Anh Đức
- Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Văn Tạo và Nguyễn Văn Hưng

Tiến hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số...../2021/HSST ngày/...../2021, đối với bị cáo Hoàng Ngọc Vinh.

Căn cứ vào Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH
CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

1. Về tội danh: bị cáo Hoàng Ngọc Vinh phạm tội “Giữ người trái pháp luật”.

Kết quả biểu quyết:.....

2. Về điều luật áp dụng:

Căn cứ vào điểm e khoản 2 Điều 157; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 47; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự. Các điểm a, c khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự. Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, về việc “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án”.

Kết quả biểu quyết:.....

3. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Hoàng Ngọc Vinh tháng Cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Hoàng Ngọc Vinh.

Giao bị cáo Hoàng Ngọc Vinh cho Ủy ban nhân dân xã Quảng Minh, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình phối hợp cùng với gia đình để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt.

4. Về hình phạt bổ sung: miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo Hoàng Ngọc Vinh.

Kết quả biểu quyết:.....

5. Về các vấn đề khác:

- Về xử lý vật chứng: Xử tịch thu tiêu hủy 01 sợi dây dài 2,03m (trong đó dây xích bằng kim loại dài 1,23m được nối với đoạn dây thừng dài 0,8m) là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội, không còn giá trị sử dụng (Vật chứng có đặc điểm mô tả như trong Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra công an thị xã Ba Đồn và Chi cục Thi hành án thị xã Ba Đồn vào ngày 25 tháng 02 năm 2021).

- Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét.

- Về án phí: Xử buộc bị cáo Hoàng Ngọc Vinh phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để nộp vào ngân sách Nhà nước.

- Về quyền kháng cáo: bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Kết quả biểu quyết:.....

Việc nghị án kết thúc vào hồi.....giờ.....phút cùng ngày.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Tạo

Nguyễn Xuân Hưng

Phan Anh Đức

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BA ĐỒN
TỈNH QUẢNG BÌNH**
Số...../2020/HSST-QDTG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ba Đồn, ngày..... tháng.....năm 2020

QUYẾT ĐỊNH TẠM GIAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Phan Anh Đức

- Các Hội thẩm nhân dân:

Ông:.....

Bà:.....

Căn cứ vào các điều 109, 113, 119 và 329 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ vào Biên bản nghị án ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Hội đồng xét xử sơ thẩm;

Xét thấy: Cần thiết tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo việc thi hành án,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tạm giam bị cáo: Đậu Quyền Quý, sinh ngày 15/10/1994 tại: xã Cảnh Dương, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: thôn Đông Cảng, xã Cảnh Dương, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 7/12;

Bị Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt.....(.....) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 08/6/2020). Về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Thời hạn tạm giam là 45 (*Bốn mươi lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 30/9/2020.

2. Công an thị xã Ba Đồn có trách nhiệm thi hành quyết định này.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Công an TX Ba Đồn;
- VKSND TX Ba Đồn;
- Bị cáo;

- Lưu hồ sơ vụ án.

Phan Anh Đức

**ĐỀ CƯƠNG ĐIỀU KHIỂN PHIÊN TOÀ HÌNH SỰ:
PHẦN THỦ TỤC BẮT ĐẦU PHIÊN TOÀ**

Yêu cầu các đồng chí Cảnh sát làm bảo vệ phiên toà vào vị trí để HĐXX làm việc. Các bị cáo đứng vào chỗ khai.

+ Hôm nay, ngày.....tháng.....năm 2019, tại phòng xét xử. TAND huyện Bố Trạch mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự đối với bị cáo Hoàng Văn Quả và Nguyễn Văn Chung bị VKSND huyện Bố Trạch truy tố về tội " Mua bán trái phép chất ma túy" và tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Tôi tuyên bố khai mạc phiên toà. Thay mặt HĐXX tôi công bố QĐXX (Đọc QĐXX).

+ Tôi giới thiệu thành phần HĐXX.

- Tôi Dương Viết Hải - Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà.

- Ngồi bên phải tôi là Ông:.....

- Ngồi bên trái tôi là Ông:.....

- Đại diện VKSND huyện Quảng Trạch giữ quyền công tố nhà nước tại phiên toà có ông:.....- Kiểm sát viên.

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà có ông:.....- cán bộ TA.

- Đề nghị Thư ký phiên toà báo cáo danh sách những người được triệu tập đến phiên toà (Có mặt, vắng mặt, nêu rõ lý do). *Nếu có người vắng mặt thì hỏi KSV về việc vắng mặt của người đó. HĐXX hội ý tại chỗ và Quyết định việc tiếp tục xét xử hay hoãn phiên toà.*

+ Tôi kiểm tra căn cước của những người tham gia tố tụng có mặt; phổ biến quyền và nghĩa vụ của họ tại phiên toà.

- Bị cáo đứng lên: Bị cáo khai rõ họ và tên (Có tên gọi khác không)? Ngày tháng năm sinh? Nơi thường trú ? Nghề nghiệp làm gì? Trình độ văn hoá lớp mấy? Họ và tên bố, họ và tên mẹ?, sinh năm bao nhiêu? Hiện đang làm gì, sinh sống ở đâu? Bị cáo có vợ chưa, họ và tên vợ, sinh năm bao nhiêu? Đã có con chưa, họ và tên các con, sinh năm bao nhiêu? Hiện nay vợ và con đang làm ăn sinh sống ở đâu?

- Bị cáo đã bị TA xét xử lần nào chưa? vào thời gian nào? tội gì ? - Bị cáo đã bị các cơ quan hành chính xử phạt vi phạm hành chính lần nào chưa, vào thời gian nào? - Bị cáo có bị bắt tạm giữ, tạm giam không? ngày tháng năm nào?

Theo quy định tại Điều 61BLTTHS.

- Bị cáo là người đã bị TA quyết định đưa vụ án ra xét xử. Bị cáo có các quyền sau: -Nhận quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế; bản án, quyết định của Tòa án và các quyết định tố tụng khác theo quy định của Bộ luật này; -Tham gia phiên tòa; - Được thông báo, giải thích về quyền và nghĩa vụ; -Đề nghị giám định, định giá tài sản; đề nghị thay đổi người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật; - Đề nghị triệu tập người làm chứng, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người giám định, người định giá tài sản, người tham gia tố tụng khác và người có thẩm quyền tiến hành tố tụng tham gia phiên tòa; - Đưa ra chứng cứ, tài liệu, đồ vật, yêu cầu; - Trình bày ý kiến về chứng cứ, tài liệu, đồ vật liên quan và yêu cầu người có thẩm quyền tiến hành tố tụng kiểm tra, đánh giá; - Tự bào chữa, nhờ người bào chữa; - Trình bày lời khai, trình bày ý kiến, không buộc phải đưa ra lời khai chống lại chính mình hoặc buộc phải nhận mình có tội; - Đề nghị chủ tọa phiên tòa hỏi hoặc tự mình hỏi người tham gia phiên tòa nếu được chủ tọa đồng ý; - Tranh luận tại phiên tòa; - Nói lời sau cùng trước khi nghị án; - Xem biên bản phiên tòa, yêu cầu ghi những sửa đổi, bổ sung vào biên bản phiên tòa; - Kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án; - Khiếu nại quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng; - Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Bị cáo có nghĩa vụ: Phải có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án; - Tôn trọng HĐXX; - Chấp hành nội quy phiên tòa; - Có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Trường hợp vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hoặc không do trở ngại khách quan thì có thể bị áp giải; nếu bỏ trốn thì bị truy nã; -Chấp hành quyết định, yêu cầu của Tòa án.

- Bị cáo đã nghe rõ quyền và nghĩa vụ của mình chưa? - Bị cáo đã nhận được bản cáo trạng chưa? Nhận được ngày tháng năm nào? - Bị cáo đã nhận quyết định đưa vụ án ra xét xử chưa? Nhận được ngày tháng năm nào? Có yêu cầu tiếp tục xét xử vụ án không? - Bị cáo có đề nghị thay đổi ai trong các thành viên HĐXX, Thư ký Tòa án, Kiểm sát viên không?

+ Tôi kiểm tra căn cước và giải thích quyền và nghĩa vụ của người bị hại.

- Bị hại đứng lên: Anh(chị) cho HĐXX biết họ và tên, sinh năm bao nhiêu, Hộ KTT ở đâu? Nghề nghiệp làm gì? Trình độ học vấn bao nhiêu?

Theo quy định tại Điều 62 BLTTHS quy định

Bị hại là cá nhân trực tiếp bị thiệt hại về thể chất, tinh thần, tài sản hoặc là cơ quan, tổ chức bị thiệt hại về tài sản, uy tín do tội phạm gây ra hoặc đe dọa gây ra. Bị hại hoặc người đại diện của họ có quyền: - Được thông báo, giải thích quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều này; - Đưa ra chứng cứ, tài liệu, đồ vật, yêu cầu; - Trình bày ý kiến về chứng cứ, tài liệu, đồ vật liên quan và yêu cầu người có thẩm quyền tiến hành tố tụng kiểm tra, đánh giá; - Đề nghị giám định, định giá tài sản theo quy định của pháp luật; - Được thông báo kết quả điều tra, giải quyết vụ án; - Đề nghị thay đổi người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật; - Đề nghị hình phạt, mức bồi thường thiệt hại, biện pháp bảo đảm bồi thường; - Tham gia phiên tòa; trình bày ý kiến, đề nghị chủ tọa phiên tòa hỏi bị cáo và người khác tham gia phiên tòa; tranh luận tại phiên tòa để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; xem biên bản phiên tòa; - Tự bảo vệ, nhờ người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình; - Tham gia các hoạt động tố tụng theo quy định của Bộ luật này; - Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng bảo vệ tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản, quyền và lợi ích hợp pháp khác của mình, người thân thích của mình khi bị đe dọa; - Kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án; - Khiếu nại quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng; - Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Bị hại có nghĩa vụ: - Phải tôn trọng HĐXX; - Chấp hành nội quy phiên tòa; - Có mặt theo giấy triệu tập của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng; trường hợp cố ý vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hoặc không do trở ngại khách quan thì có thể bị dẫn giải; - Chấp hành quyết định, yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng; - Trường hợp bị hại chết, mất tích, bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự thì người đại diện thực hiện quyền và nghĩa vụ của người bị hại quy định tại Điều này; - Cơ quan, tổ chức là bị hại có sự chia, tách, sáp nhập, hợp nhất thì người đại diện theo pháp luật hoặc tổ chức, cá nhân kế thừa quyền và nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức đó có những quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều này.

Bị hại đã nghe rõ quyền và nghĩa vụ của mình chưa? Có ý kiến như thế nào về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng? Có đề nghị thay đổi ai trong các thành viên HĐXX, Thư ký Tòa án, Kiểm sát viên không?

+ Tôi kiểm tra căn cước và giải thích quyền và nghĩa vụ của người có QLNVLQ.

- Người có QLNVLQ đứng lên: Anh(chị) cho HĐXX biết họ và tên, sinh năm bao nhiêu, Hộ KTT ở đâu? Nghề nghiệp làm gì? Trình độ học vấn bao nhiêu?

Theo quy định tại Điều 65 BLTTHS:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án hình sự. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án hoặc người đại diện của họ có quyền: - Được thông báo, giải thích quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều này; - Đưa ra chứng cứ, tài liệu, đồ vật, yêu cầu; - Yêu cầu giám định, định giá tài sản theo quy định của pháp luật; - Tham gia phiên tòa; phát biểu ý kiến, đề nghị chủ tọa phiên tòa hỏi những người tham gia phiên tòa; tranh luận tại phiên tòa để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; xem biên bản phiên tòa; - Tự bảo vệ, nhờ người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình; - Trình bày ý kiến về chứng cứ, tài liệu, đồ vật liên quan và yêu cầu người có thẩm quyền tiến hành tố tụng kiểm tra, đánh giá; - Kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình; - Khiếu nại quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng; Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có nghĩa vụ: - Phải tôn trọng HĐXX; - Chấp hành nội quy phiên tòa; - Có mặt theo giấy triệu tập của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng; - Trình bày trung thực những tình tiết liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình; - Chấp hành quyết định, yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã nghe rõ quyền và nghĩa vụ của mình chưa? Có ý kiến như thế nào về sự vắng mặt của ngừng người tham gia tố tụng? Có đề nghị thay đổi ai trong các thành viên HĐXX, Thư ký Tòa án, Kiểm sát viên không?

+ Tôi kiểm tra căn cước và giải thích quyền và nghĩa vụ của người làm chứng.

Người làm chứng đứng lên: Anh(chị) cho HĐXX biết họ và tên; sinh năm bao nhiêu; Nơi ĐKNKTT, nghề nghiệp làm gì? Trình độ học vấn?

Theo quy định tại Điều 66 BLTTHS:

Người làm chứng là người biết được những tình tiết liên quan đến nguồn tin về tội phạm, về vụ án và được cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng triệu tập đến làm chứng. Người làm chứng có quyền: - Được thông báo, giải thích quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều này; - Yêu cầu cơ quan triệu tập bảo vệ tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản và quyền, lợi ích hợp pháp khác của mình, người thân thích của mình khi bị đe dọa; - Khiếu nại quyết định, hành vi tố tụng của cơ

quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng liên quan đến việc mình tham gia làm chứng; - Được cơ quan triệu tập thanh toán chi phí đi lại và những chi phí khác theo quy định của pháp luật.

Người làm chứng có nghĩa vụ: - Tôn trọng HĐXX; - Chấp hành nghiêm nội quy phiên tòa; - Có mặt theo giấy triệu tập của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Trường hợp cố ý vắng mặt mà không vì lý do bất khả kháng hoặc không do trở ngại khách quan và việc vắng mặt của họ gây trở ngại cho việc giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử thì có thể bị dẫn giải; - Trình bày trung thực những tình tiết mà mình biết liên quan đến nguồn tin về tội phạm, về vụ án và lý do biết được những tình tiết đó; - Người làm chứng khai báo gian dối hoặc từ chối khai báo, trốn tránh việc khai báo mà không vì lý do bất khả kháng hoặc không do trở ngại khách quan thì phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật hình sự.

- Anh (chị) đã nghe rõ quyền và nghĩa vụ của mình chưa? Có cam đoan là không khai báo gian dối không?

+ Ai có yêu cầu triệu tập thêm người làm chứng hoặc yêu cầu đưa thêm vật chứng hoặc tài liệu ra xem xét hay không?

+ Đề nghị đại diện VKS có ý kiến gì về phần thủ tục.

+ Không ai có ý kiến gì về phần thủ tục tôi tuyên bố kết thúc phần thủ tục chuyển sang phần xét hỏi. Đề nghị KSV đọc bản cáo trạng.

THỦ TỤC TRANH TỤNG TẠI PHIÊN TOÀ:

PHẦN XÉT HỎI:

+ Chủ tọa: - Bị cáo đã nghe rõ nội dung bản cáo trạng chưa? Có giống nội dung bản cáo trạng mà bị cáo đã nhận không? VKS truy tố bị cáo về tội gì? theo điều khoản nào của bộ luật hình sự? Có ý kiến gì về quyết định truy tố của VKS không?

- Bị cáo Hiếu trình bày tóm tắt diễn biến sự việc xảy ra vào chiều ngày 13/5/2020? Bị cáo đi đâu, làm gì, cùng với ai?

- Chiều ngày 13/5/2020 có ai điện thoại cho bị cáo không? Nội dung cuộc điện thoại ntn? Sau khi nhận điện thoại của bị cáo đã làm gì? Hùng có quan hệ với bị cáo ntn? Sau đó bị cáo và Hùng đi đâu làm gì? Khi đi bị cáo mang theo gì không? đi bằng phương tiện gì, của ai? Khi đến đó thì có những ai, đang làm gì? Những người đó có mối quan hệ thế nào với bị cáo và Hùng? Sau đó các bị cáo làm gì? Khi đi hát KARAOKE ai là người rủ đi hát? Khi đến quán KARAOKE thì diễn ra việc gì? Sau đó các bị cáo làm gì? Tại sao bị cáo bỏ trốn khi thấy Công an bắt

Hùng? Sau khi bỏ trốn bị cáo đi đâu, làm gì? Bị cáo tự đến cơ quan Công an để khai báo hành vi vi phạm pháp luật của mình hay Công an triệu tập bị cáo đến làm việc bị cáo mới khai ra hành vi phạm tội của mình?

Bị cáo có quan hệ ntn với đối tượng tên Mèo? Tại sao Bị cáo biết Mèo có ma túy mà mua? mua bao nhiêu, loại ma túy gì, loại ma túy đó có đặc điểm ntn? mua từ thời gian nào, hết bao nhiêu tiền? Mua ma túy với mục đích gì? Sau khi mua ma túy ở Mèo bị cáo để đâu, làm gì với số ma túy đó? Bị cáo có sử dụng ma túy không, loại ma túy gì, sử dụng bao lâu rồi, đã bị lệ thuộc vào ma túy chưa? Sau đó bị cáo đã làm gì với số ma túy còn lại? Bị cáo giao số ma túy còn lại cho Hùng từ khi nào, số lượng bao nhiêu? Tại sao lại đưa cho Hùng, để làm gì? Bị cáo có bị cơ quan Công an thu giữ gì không? Bị cáo có yêu cầu gì về những tài sản bị Công an thu giữ không? Bị cáo nhận thức thế nào về hành vi của mình?

- Bị cáo Hùng đã nghe rõ lời khai của Hiếu tại phiên tòa không? Bị cáo có khai bổ sung gì thêm không? Bị cáo trình bày tóm tắt diễn biến sự việc xảy ra vào chiều ngày 14/5/2020? Bị cáo rời nhà đi vào thời gian nào, đi đâu, cùng với ai, bằng phương tiện gì, phương tiện đó là của ai? Khi đi ăn, uống bia cùng Hiếu thì diễn ra việc gì? Sau đó bị cáo cùng mọi người làm gì? Ai là người rủ đi hát KARAOKE? Tại phòng KARAOKE đã diễn ra việc gì? Bị cáo có nhìn thấy Hiếu bỏ ma túy ra bàn để sử dụng không? Đặc điểm loại ma túy đó thế nào? Những ai sử dụng ma túy? Hiếu đưa số ma túy cho bị cáo từ khi nào, đặc điểm số ma túy đó thế nào? Bị cáo có biết đó là ma túy không? Tại sao bị cáo biết? Bị cáo có biết cất giấu ma túy là phạm tội không? Tại sao vẫn giấu giếm giúp Hiếu? Bị cáo có sử dụng ma túy không, loại ma túy gì, sử dụng bao lâu rồi, đã bị lệ thuộc vào ma túy chưa? Sau khi hát xong bị cáo đã làm gì, đi đâu và diễn ra việc gì? Khi bị cáo bị công an bắt giữ bị cáo có khai ra số ma túy đó là của Hiếu không? Tại sao Hiếu không bị bắt? Khi bị bắt Công an thu giữ của bị cáo những gì? Hiện nay số tài sản đó đâu rồi? Bị cáo có yêu cầu gì về số tài sản đó không? Bị cáo nhận thức thế nào về hành vi của mình?

+ Đề nghị các vị Hội thẩm hỏi thêm bị cáo?

+ Đề nghị KSV hỏi thêm bị cáo?

+ Có ai đề nghị hỏi thêm các bị cáo gì nữa không?

Không ai yêu cầu xét hỏi vấn đề gì thêm. Tôi tuyên bố kết thúc phần xét hỏi chuyển sang phần tranh luận. Đề nghị vị Kiểm sát viên trình bày quan điểm luận tội.

PHẦN TRANH LUẬN TẠI PHIÊN TOÀ:

* Bị cáo đã nghe rõ quan điểm luận tội của KSV chưa? Bị cáo có ý kiến tranh luận gì không? Luật sư bào chữa cho bị cáo Chung trình bày lời bào chữa?

* Đại diện viện kiểm sát có tranh luận gì thêm không?

* Có ai yêu cầu tranh luận gì thêm không. Không có ai yêu cầu tranh luận gì thêm. Tôi tuyên bố kết thúc phần tranh luận chuyển sang phần nghị án. Trước khi HĐXX vào phòng nghị án cho bị cáo nói lời sau cùng.

Yêu cầu mọi người nghỉ tại chỗ. Giao các bị cáo cho các đồng chí Công an bảo vệ phiên tòa tạm giữ trong thời gian HĐXX nghị án. Bị cáo phải có mặt khi HĐXX tuyên án.

HỘI THẨM HỎI BỊ CÁO

- Gia đình bị cáo có bao nhiêu thành viên, gồm những ai, ở chung hay ở riêng? Trước lúc bị bắt bị cáo làm gì, thu nhập bao nhiêu?

- Gia đình bị cáo có hưởng chính sách gì của nhà nước không?

- Bị cáo sử dụng ma túy đã lâu chưa, loại ma túy mà bị cáo thường sử dụng là loại ma túy gì, tại sao bị cáo biết đó là ma túy hồng phiến?

- Bị cáo sử dụng gia đình bị cáo có biết không? có ai có ý kiến gì không?

- Bị cáo có biết ma túy hồng phiến là chất ma túy rất nguy hiểm, bị nhà nước cấm mua bán, cất giữ, sử dụng không?

- Tại sao bị cáo vẫn mua bán, cất giữ, cất giữ với mục đích gì?

- Bị cáo có biết tác hại của ma túy đối với sức khỏe của bản thân và kinh tế gia đình không? biết như thế nào? Tại sao bị cáo vẫn sử dụng?

